TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/DS-PT
Ngày: 26/8/2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Ngọc Thanh V, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 8/440, khu phố 1, Phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền chị V: Ông Lê Văn D, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: số 273/40/1, đường N, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Phước K, sinh năm 1964;

2. Anh Nguyễn Phước N, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1966;

4. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, anh N, anh H: Bà Trần Thị C, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án Sơ thẩm:

**** Nguyên đơn chị Trần Ngọc Thanh V trình bày:***

Từ năm 2014 đến năm 2016, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước N có tổ chức góp hụi nhiều dây hụi, chị có tham gia 02 dây hụi. Đến kỳ hốt hụi, gia đình bà C bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên chị có tố cáo sự việc đến cơ quan Công an. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, bà C thừa nhận việc tổ chức góp hụi và đối chiếu sổ sách xác định số tiền hụi đã đóng như sau:

- Dây hụi 20.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/5/2014 AL, mãn ngày 10/3/2016 AL, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 20 kỳ với số tiền 280.000.000 đồng.

- Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/4/2015 AL, mãn ngày 25/3/2017 AL, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 08 kỳ với số tiền 56.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hụi là 336.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra có thu hồi, trả cho chị được số tiền 33.600.000 đồng, nên số tiền nợ hụi còn nợ lại chưa trả là 302.400.000 đồng.

Chị yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước N trả cho chị số tiền 347.760.000 đồng gồm:

- Tiền gốc: 302.400.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 6%/năm: 302.400.000 đồng x 0,5%/tháng x 30 tháng = 45.360.000 đồng.

**** Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:***

Bà và chị Trần Ngọc Thanh V có thỏa thuận việc góp hụi, số người tham gia, số tiền mỗi kỳ góp hụi, thời gian mở và mãn hụi, trách nhiệm của chủ thảo khi lĩnh hụi, không tiếp tục mở hụi. Từ năm 2014, bà làm chủ thảo các dây hụi và chị Trần Ngọc Thanh V tham gia góp hụi như chị Trần Ngọc Thanh V đã trình bày. Quá trình mở hụi, do các hụi viên đã lĩnh hụi không góp lại nên bà không có tiền để giao cho các hụi viên còn lại khi họ được lĩnh hụi dẫn đến bà phải ngưng mở hụi. Ngày 16/01/2017, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, đối chiếu sổ sách bà còn nợ chị Trần Ngọc Thanh V số tiền

đóng hụi là 336.000.000 đồng. Bà có nộp 33.600.000 đồng để trả cho chị Trần Ngọc Thanh V nhằm khắc phục hậu quả. Bà yêu cầu được trả số tiền nợ hụi gốc còn lại 302.400.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Riêng các bị đơn Nguyễn Phước K (chồng của bà), Nguyễn Phước N và Nguyễn Phước H (con của bà và ông Nguyễn Phước K) không tham gia giao dịch góp hụi giữa bà và chị Trần Ngọc Thanh V nên không phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

**** Bị đơn Nguyễn Phước K, Nguyễn Phước N và Nguyễn Phước H thống nhất trình bày:***

Các ông không liên quan đến việc giao dịch góp hụi giữa bà Trần Thị C và các hụi viên. Các ông không tham gia vào các dây hụi, góp hụi của chị Trần Ngọc Thanh V nên không chấp nhận liên đới trả số tiền nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; Điều 298, Điều 479 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc Thanh V. Buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước N và anh Nguyễn Phước H phải liên đới trả cho chị Trần Ngọc Thanh V số tiền 347.760.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 09 tháng 9 năm 2019, bà C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp

thêm chứng cứ gì mới chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà C thừa nhận, chị V có tham gia hụi do bà C làm thảo hụi, cụ thể: Dây hụi 20.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/5/2014 AL, mãn ngày 10/3/2016 AL, gồm 24 phần, chị tham gia 01 phần và đã đóng được 20 kỳ với số tiền 280.000.000đồng; Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/4/2015 AL, mãn ngày 25/3/2017 AL, gồm 24 phần, chị tham gia 01 phần và đã đóng được 08 kỳ với số tiền 56.000.000đồng. Tổng cộng số tiền nợ hụi là 336.000.000 đồng.

Theo biên bản đối chiếu nợ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang lập ngày 16/01/2017, bà C thừa nhận số nợ hụi trên và trả cho chị V được số tiền 33.600.000 đồng, còn nợ lại chưa trả là 302.400.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số trên và tiền lãi.

[2] Bà C kháng cáo cho rằng, ông K, anh H, anh N không biết bà C và chị V chơi hụi, nên không có nghĩa vụ trả tiền cho chị V.

Xét thấy, ông K, anh H, anh N không đồng ý liên đới cùng bà C trả nợ hụi, nhưng lời khai ông K tại Cơ quan điều tra có biết việc bà C làm thảo hụi và có chở bà C đi gom hụi. Ngoài ra, phù hợp với lời làm chứng của các hụi viên bà Trần Thị Băng S, Lê Thị Ch xác nhận có sự tham gia gom hụi của ông K, anh H, anh N.

Tại cơ quan điều tra bà C thừa nhận ông K, anh N và anh H có tham gia cùng đi thu tiền hụi các hụi viên, đồng thời bà C thừa nhận bà làm đầu thảo hụi đã lâu khoảng trên 10 năm, tại thời điểm bể hụi số dây hụi bà C tổ chức cho khoảng hơn 90 hụi viên tham gia, số tiền các hụi viên tham gia chơi rất lớn, bà C nợ các hụi viên trên 40 tỷ đồng.

Nhận thấy, mục đích của việc bà C chơi hụi nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình bà C, ông K, anh H, anh N. Mặt khác, năm 2014, 2017 bà C, ông K đã thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H, anh N, nhằm tẩu tán, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ hụi.

Do đó, án sơ thẩm buộc bà C, ông K, anh H, anh N có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho chị V là có cơ sở. Tại phiên tòa hôm nay, bà C không có chứng cứ gì mới chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà C, ông K, anh H, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 26, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc Thanh V.

Buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước N, anh Nguyễn Phước H phải liên đới trả cho chị Trần Ngọc Thanh V số tiền 347.760.000 đồng.(nợ hụi 302.400.000đồng và lãi 45.360.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà C, ông K, anh N, anh H phải liên đới chịu số tiền 8.694.000 đồng.

+ Hoàn lại chị V số tiền 8.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001954 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm:

+ Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000148 ngày 09/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn